

Bản án số: 61/2024/KDTM-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị A.
- Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 9 và 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 397/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở chính: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Ma Khắc K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Ông Trịnh Lê Hoài Đ, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: tầng A, tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023)

2. Bị đơn:

Công ty TNHH T.

Địa chỉ: số E L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Lý Minh H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số C (số C) Đường H, khu C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lý Minh H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: C (số C) Đường H, khu C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Ông Lê Phát H1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: C (số C) Đường H, khu C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/9/2024 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V cùng bản khai trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

Công ty TNHH T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh S theo hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/06/2018 và hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018 với các nội dung như sau:

- Đối với hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018:

Khế ước nhận nợ lần 01 số: MBD/GVP/18/0180/HDTD-01 ngày 03/12/2018. Số tiền vay 600.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay: tại thời điểm giải ngân là 16,5%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân 03/12/2018. Ngày đến hạn 03/12/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

- Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/06/2018:

Khế ước nhận nợ lần 03 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-03 ngày 24/8/2018. Số tiền vay: 314.070.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 19%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 24/08/2018. Ngày đến hạn: 24/08/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 04 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-04 ngày 24/09/2018. Số tiền vay: 341.868.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 18%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 24/09/2018. Ngày đến hạn:

24/09/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 05 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-05 ngày 24/10/2018. Số tiền vay: 304.461.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 17,3%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 24/10/2018. Ngày đến hạn: 24/10/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 06 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-06 ngày 26/11/2018. Số tiền vay: 324.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 16,3%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 26/11/2018. Ngày đến hạn: 26/11/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 07 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-07 ngày 26/12/2018. Số tiền vay: 328.366.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 16,5%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 26/12/2018. Ngày đến hạn: 26/12/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 08 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-08 ngày 28/01/2019. Số tiền vay: 356.033.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 16,5%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 28/01/2019. Ngày đến hạn: 28/01/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 09 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-09 ngày 06/03/2019. Số tiền vay: 326.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 06/03/2019. Ngày đến hạn: 06/03/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 10 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-10 ngày 28/03/2019. Số tiền vay: 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 28/03/2019. Ngày đến hạn: 28/03/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 11 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-11 ngày 26/04/2019. Số tiền vay: 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 18,2%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh

định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 26/04/2019. Ngày đến hạn: 26/04/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Khế ước nhận nợ lần 12 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-12 ngày 27/05/2019. Số tiền vay: 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: Tại thời điểm giải ngân là 18,2%/năm cố định trong vòng 01 tháng, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày giải ngân: 27/05/2019. Ngày đến hạn: 27/05/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Tổng cộng: 3.794.798.000 đồng.

Đối với các khoản vay theo các khế ước nhận nợ khác đã thực hiện xong, nên phía nguyên đơn Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, Công ty TNHH T còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 không có tài sản đảm bảo ngày 16/05/2018.

Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lý Minh H theo Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.01 ngày 27/06/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180//HDBL.01 ngày 03/12/2018; ông Lê Phát H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.02 ngày 27/06/2018 và hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180//HDBL.02 ngày 03/12/2018. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH T không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Theo khế ước nhận nợ lần 01 số: MBD/GVP/18/0180/HDTD-01 ngày 03/12/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 46.396.598 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 455.161.390 đồng; trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.557.996 đồng, nợ lãi quá hạn là 252.816.713 đồng, lãi chậm trả là 786.681 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 03 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-03 ngày 24/8/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 288.200.000 đồng tiền nợ gốc và 34.464.338 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 64.900.075 đồng; trong đó, nợ gốc là 25.870.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.030.075 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 04 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-04 ngày 24/09/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 284.890.000 đồng tiền nợ gốc và 34.743.383 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 140.015.765 đồng; trong đó, nợ gốc là 56.978.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 120.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 82.856.628 đồng, lãi chậm trả là 60.775 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 05 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-05 ngày

24/10/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 228.348.000 đồng tiền nợ gốc và 28.434.024 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 181.746.308 đồng; trong đó, nợ gốc là 76.113.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 475.505 đồng, nợ lãi quá hạn là 104.917.705 đồng, lãi chậm trả là 240.098 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 06 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 06 ngày 26/11/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 216.000.000 đồng tiền nợ gốc và 25.989.776 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 245.862.330 đồng; trong đó, nợ gốc là 108.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 837.794 đồng, nợ lãi quá hạn là 136.601.507 đồng, lãi chậm trả là 423.029 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 07 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 07 ngày 26/12/2018 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 191.800.000 đồng tiền nợ gốc và 24.390.361 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 308.281.042 đồng; trong đó, nợ gốc là 136.566.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.276.122 đồng, nợ lãi quá hạn là 169.794.566 đồng, lãi chậm trả là 644.354 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 08 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 08 ngày 28/01/2019 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 178.200.000 đồng tiền nợ gốc và 23.507.610 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 401.643.417 đồng; trong đó, nợ gốc là 177.833.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.797.454 đồng, nợ lãi quá hạn là 221.105.372 đồng, lãi chậm trả là 907.591 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 09 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 09 ngày 06/03/2019 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 136.000.000 đồng tiền nợ gốc và 21.452.512 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 463.614.028 đồng; trong đó, nợ gốc là 190.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.715.084 đồng, nợ lãi quá hạn là 269.528.013 đồng, lãi chậm trả là 1.370.931 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 10 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 10 ngày 28/03/2019 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 16.359.400 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 481.512.230 đồng; trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.596.148 đồng, nợ lãi quá hạn là 277.605.205 đồng, lãi chậm trả là 1.310.877 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 11 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 11 ngày 26/04/2019 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 75.000.000 đồng tiền nợ gốc và 12.987.772 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 541.852.265 đồng; trong đó, nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.024.694 đồng, nợ lãi quá hạn là 312.300.308 đồng, lãi chậm trả là 1.527.263 đồng.

Theo kế ước nhận nợ lần 12 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM- 12 ngày

27/05/2019 thì Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 9.042.073 đồng tiền nợ lãi. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ ngân hàng 602.189.639 đồng; trong đó, nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.446.146 đồng, nợ lãi quá hạn là 347.003.425 đồng, lãi chậm trả là 1.740.068 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay Công ty TNHH T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng là 2.420.205.847 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 2.142.438.000 đồng và tiền lãi là 277.767.847 đồng. Tạm tính đến ngày 04/9/2024 Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng 3.886.778.489 đồng; trong đó, nợ gốc là 1.646.360.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.847.305 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.213.559.517 đồng, lãi chậm trả là 9.011.667 đồng.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 không có tài sản đảm bảo ngày 16/05/2018, tại phiên tòa nguyên đơn ngân hàng xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn công ty T trả số tiền gốc lãi phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 ký ngày 16/5/2018.

Công ty TNHH T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH T để yêu cầu hoàn trả nợ vay Công ty TNHH T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay phía Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán ngay một lần khoản nợ tính đến ngày 04/9/2024 tổng cộng: 3.886.778.489 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.646.360.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn là 17.847.305 đồng.
- Nợ lãi quá hạn là 2.213.559.517 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 9.011.667 đồng.

Cùng với tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 05/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Bị đơn Công ty TNHH T có ông Lý Minh H đại diện theo pháp luật:*

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1:*

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn Công ty TNHH T có ông Lý Minh H đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh H, ông Lê Phát H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 không có tài sản đảm bảo ngày 16/05/2018 như đã trình bày.

- Bị đơn Công ty TNHH T có ông Lý Minh H là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:*

Đối với yêu cầu thanh toán số nợ gốc lãi của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế) số 178-C-983084 không có tài sản đảm bảo ngày 16/05/2018: Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Đối với yêu cầu thanh toán số nợ gốc lãi của hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018 và hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/06/2018: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH T để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và Công ty TNHH T có trụ sở tại Quận A, nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự

Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH T để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau đồng thời ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 là người bảo lãnh cho khoản nợ vay của Công ty TNHH T, nên Ngân hàng TMCP V tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách tố tụng là nguyên đơn, Công ty TNHH T là bị đơn còn ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng

Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023 của Ngân hàng TMCP V ủy quyền cho ông Ma Khắc K và ông Trịnh Lê Hoài Đ đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020 của Ngân hàng TMCP V ủy quyền cho ông Ma Khắc K hoặc ông Trịnh Lê Hoài Đ đại diện tham gia tố tụng. Nội dung văn bản ủy quyền thể hiện ông Ma Khắc K hoặc ông Trịnh Lê Hoài Đ được đại diện thực hiện công việc theo sự ủy quyền, nên việc ông Ma Khắc K vắng mặt tại phiên tòa là phù hợp với nội dung ủy quyền và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Ma Khắc K là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn Công ty TNHH T có ông Lý Minh H là người đại diện theo pháp luật đồng thời ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V

[5.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc lãi đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 ngày 16/5/2018

Tại phiên tòa ngày 04/9/2024 nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có ông Trịnh Lê Hoài Đ nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH T phải thanh toán số nợ gốc lãi đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 ngày 16/5/2018. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc lãi đối với hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/6/2018; hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018

Căn cứ vào hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/6/2018; hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018; hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.01 ngày 27/6/2018; hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.02 ngày 27/6/2018; hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180/HDBL.01 ngày 03/12/2018, hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180/HDBL.02 ngày 03/12/2018; kế ước nhận nợ lần 01 số: MBD/GVP/18/0180/HDTD-01 ngày 03/12/2018; kế ước nhận nợ lần 03 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-03 ngày 24/8/2018; kế ước nhận nợ lần 04 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-04 ngày 24/09/2018; kế ước nhận nợ lần 05 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-05 ngày 24/10/2018; kế ước nhận nợ lần 06 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-06 ngày 26/11/2018; kế ước nhận nợ lần 07 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-07 ngày 26/12/2018; kế ước nhận nợ lần 08 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-08 ngày 28/01/2019; kế ước nhận nợ lần 09 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-09 ngày 06/03/2019; kế ước nhận nợ lần 10 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-10 ngày 28/03/2019; kế ước nhận nợ lần 11 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-11 ngày 26/04/2019; kế ước nhận nợ lần 12 số: MBD/GVP/18/0081/HDHM-12 ngày 27/05/2019 cùng các bản sao kê và lời khai trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và bị đơn Công ty TNHH T có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng và bị đơn Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán ngay một lần số nợ còn thiếu phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến hết ngày 04/9/2024 với tổng số nợ là 3.886.778.489 (ba tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.646.360.000 (một tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 17.847.305 (mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ năm) đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 2.213.559.517 (hai tỷ, hai trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm mười bảy) đồng.

- Nợ lãi chậm trả: 9.011.667 (chín triệu, không trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Cùng với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/6/2018; hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018 được tính tiếp theo từ ngày 05/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn Công ty TNHH T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký là có cơ sở đúng với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn Công ty TNHH T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bên bảo lãnh) ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Tòa án xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng (nếu có); do vậy, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 264; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 292; 293; 357; 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V;

1.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc buộc bị đơn Công ty TNHH T thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền vốn lãi đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 178-C-983084 ngày 16/5/2018.

1.2. Buộc bị đơn Công ty TNHH T thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 04/9/2024 tổng cộng 3.886.778.489 (ba tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.646.360.000 (một tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 17.847.305 (mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ năm) đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 2.213.559.517 (hai tỷ, hai trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm mười bảy) đồng.

- Nợ lãi chậm trả: 9.011.667 (chín triệu, không trăm mười một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/GVP/18/0081/HDHM ngày 27/6/2018 và hợp đồng cho vay từng lần số: MBD/GVP/18/0180/HDTD ngày 03/12/2018 được tính tiếp theo từ ngày 05/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH T không thanh toán nợ như nêu trên, bên bảo lãnh ông Lý Minh H và ông Lê Phát H1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.01 ngày 27/6/2018; hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0081/HDBL.02 ngày 27/6/2018; hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180/HDBL.01 ngày 03/12/2018, hợp đồng bảo lãnh số: MBD/GVP/18/0180/HDBL.02 ngày 03/12/2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Kinh doanh thương mại:

2.1. Bị đơn Công ty TNHH T chịu 109.735.570 (một trăm lẻ chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi) đồng.

2.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Kinh doanh thương mại. H2 lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 41.817.442 (bốn mươi một triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi hai) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0050271 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chính